

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **891** /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày **26** tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Viễn thông và Internet; tần số vô tuyến điện; sở hữu trí tuệ; an toàn bức xạ và hạt nhân; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền thực hiện cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nhiệm vụ, thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Viễn thông; tần số vô tuyến điện; sở hữu trí tuệ; năng lượng nguyên tử; tiêu chuẩn, đo lường chất lượng; khoa học và công nghệ; công nghệ thông tin, chuyển đổi số thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 40/TTr-SKHCHN ngày 20/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Viễn thông và Internet; tần số vô tuyến điện; sở hữu trí tuệ; an toàn bức xạ và hạt nhân; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền thực hiện cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên (Có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Bãi bỏ các thủ tục hành chính được công bố tại các Quyết định sau:

1. Quyết định số 2411/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

2. Quyết định số 2412/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

3. Danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực: Viễn thông và Internet, tần số vô tuyến điện, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; các thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ (từ số thứ tự 1 đến 11, từ số thứ tự 14 đến 18 tại phụ lục II-B) ban hành kèm theo Quyết định số 2413/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện rà soát, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này lên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký đến hết ngày 28/02/2027, trừ trường hợp quy định của pháp luật về nội dung liên quan có thay đổi.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *TL*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
 - Bộ Khoa học và Công nghệ;
 - Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
 - Trung tâm Thông tin tỉnh;
 - Lưu: VT, HCC *per*
- Ntk.8/2025 *per*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Loan

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ỦY QUYỀN

(Kèm theo Quyết định số 891 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

1. Lĩnh vực Viễn thông và Internet

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
1	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
2	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Một cửa
3	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống	Không có	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành	Không có	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng có định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông.		chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã		Điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
4	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn	Không có	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải	Không có	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông		quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã		24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
5	Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:	Không có	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		hợp lệ của hồ sơ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã		của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
6	Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không có	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
			cấp xã		của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
7	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Phí: không có Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông	
8	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Phí: không có Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.	
9	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành	Phí: không có Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	cổ định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP		chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã		Điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
10	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Phí: không có Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.	
11	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Phí: không có Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông	
12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Phí: không có Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	Nghị định số 163/2024/NĐ-CP				định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông	
13	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành	Phí: không có Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã		Điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
14	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Phí: không có Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.	
15	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Phí: không có Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông	
16	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Phí: không có Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.	
17	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành	Không có	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông		chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã		Điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
18	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không có	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền,	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
19	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không có	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
20	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không có	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Một cửa
21	Gia hạn chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành	Không có	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
			chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã		dịch vụ internet và thông tin trên mạng. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
22	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không có	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền,	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
23	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không có	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
24	Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không có	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Một cửa

2. Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
1	Thủ tục Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	
2	Thủ tục Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	
3	Thủ tục Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	
4	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	tuyển điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá		Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.		09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
5	Thủ tục Cấp giấy phép sử dụng tần số và đài vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	
6	Thủ tục Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	07 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	
7	Thủ tục Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tursố 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tursố 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	
8	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	11 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
			Thái Nguyên.		quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	
9	Thủ tục Cấp giấy phép sử dụng tần số và	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ,	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:	Theo quy định của Bộ Tài	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	đúng quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	chính	số Điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
10	Thủ tục Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	
11	Thủ tục Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	
12	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	
13	Thủ tục Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
			Thái Nguyên.		quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp và người dân	
14	Thủ tục Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					xuất kinh doanh. - Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp và người dân	
15	Thủ tục Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp và người dân	
16	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và	22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tần số	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ		hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.		vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tursố 265/2016/TT-	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					BTC ngày 14/11/2016. - Thông tirsố 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của <i>Bộ trưởng</i> Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của <i>Bộ trưởng</i> Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.	
17	Thủ tục Cấp giấy công nhận tổ chức đủ Điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Một cửa
18	Thủ tục Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ Điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
			xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.		12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
19	Thủ tục Cấp giấy công nhận tổ chức đủ Điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Một cửa
20	Thủ tục Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ Điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022;	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	tuyển điện viên hàng hải		- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.		- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	

3. Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
1	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (Không tính thời gian ấn định 30 ngày để sửa chữa thiếu sót hồ sơ)	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đ - Lệ phí công bố Quyết	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
				định cấp chứng chỉ: 150.000 đ - Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 150.000 đ - Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 200.000 đ	ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
2	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (Không tính thời gian ấn định 30 ngày để sửa chữa thiếu sót hồ sơ)	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đ - Lệ phí công bố Quyết định cấp chứng chỉ: 150.000 đ - Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 150.000 đ - Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
				200.000 đ	sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.	
3	Thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	- 30 ngày (Trong trường hợp có quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền); - 60 ngày (Trong trường hợp có căn cứ khẳng định người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Chưa có	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		nghiệp không còn đáp ứng các Điều kiện hành nghề); - 60 ngày (Trong trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp).			quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.	
4	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (Không tính thời gian ấn định 30 ngày để sửa chữa thiếu sót hồ sơ)	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
			hành chính công cấp xã	250.000 đ - Lệ phí công bố Quyết định ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đ - Lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đ	số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
5	Thủ tục ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp	20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (Không tính thời gian ấn định 30 ngày để sửa chữa thiếu sót hồ sơ)	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Chưa có	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.	
6	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (Không tính thời gian ấn định 30 ngày để sửa chữa thiếu sót hồ sơ)	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000đ - Lệ phí công bố Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
				vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000đ - Lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000đ	quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.	
7	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (Không tính thời gian ấn định 30 ngày để sửa chữa thiếu sót hồ sơ); - Trong trường hợp	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ	- Lệ phí công bố Quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		người nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, thì giải quyết trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn ấn định.	hành chính công cấp xã	150.000đ - Lệ phí đăng bạ Quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000đ - Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000đ	số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
8	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (Không tính thời gian ấn định 30 ngày để sửa chữa thiếu sót hồ sơ); - Trong trường hợp người nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, thì giải quyết trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn ấn định.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đ - Lệ phí đăng bạ Quyết định xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đ - Lệ phí công bố Quyết định xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đ	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.	
9	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp	20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (Không tính thời gian ấn định 01 tháng để sửa chữa thiếu sót hồ sơ)	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Phí thẩm định hồ sơ kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 300.000 đ - Phí phúc tra kiểm tra kết quả nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 150.000 đ	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					Điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.	
10	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	- 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (Không tính thời gian ấn định 30 ngày để sửa chữa thiếu sót hồ sơ hoặc có ý kiến phản đối); - Trong trường hợp người nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc không có ý kiến phản đối hoặc sửa chữa thiếu sót/phản đối không đạt yêu cầu, thì giải quyết trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn ấn	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp: 250.000 đ	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		định.			- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.	
11	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	- 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (Không tính thời gian ấn định 30 ngày để sửa chữa thiếu sót hồ sơ hoặc có ý kiến phản đối); - Trong trường hợp người nộp hồ sơ không sửa chữa	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		thiếu sót hoặc không có ý kiến phản đối hoặc sửa chữa thiếu sót/phản đối không đạt yêu cầu, thì giải quyết trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn ấn định.			2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.	
12	Thủ tục thu hồi Thẻ giám	+ Trong trường hợp tổ chức, cá	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải	Không quy định	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	định viên sở hữu công nghiệp	nhân có yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp: 50 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (Không tính thời gian người được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp có ý kiến); + Trong trường hợp có căn cứ khẳng định người được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng điều kiện quy định: 50 ngày (Không tính thời gian người được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã		tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		có ý kiến); + Trong trường hợp cá nhân bị xử phạt bằng hình thức thu hồi Thẻ giám định viên theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định trên.				
13	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp.	15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ (Không tính thời gian ấn định để người đăng ký dự kiểm tra sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối); - Trong trường hợp người nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc không có ý kiến	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Phí thẩm định hồ sơ nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 300.000 đ - Phí phúc tra kết quả kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		phản đối hoặc sửa chữa thiếu sót/phản đối không đạt yêu cầu, thì giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn ấn định.		nghiệp (mỗi môn): 150.000 đ	65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.	
14	Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ	- 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (Không tính thời gian người yêu cầu sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối); - Trong trường hợp chủ văn bằng không sửa chữa thiếu sót hoặc không có ý kiến phản đối hoặc sửa chữa thiếu sót/phản đối không đạt yêu cầu, thì giải quyết trong thời hạn 30	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bằng - Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Khoản 7 Điều 29 của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn ấn định.			Điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Điều 36 của Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Điểm 4.1 và 4.2 Mục B Phí sở hữu công nghiệp tại Biểu mức thu phí, lệ phí sở hữu công nghiệp (Ban hành kèm theo Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính).	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
15	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	- 60 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (Không tính thời gian dành cho người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối); - Trong trường hợp chủ văn bằng không sửa chữa thiếu sót hoặc không có ý kiến phản đối hoặc sửa chữa thiếu sót/phản đối không đạt yêu cầu, thì giải quyết trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn ấn định.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Phí thẩm định hồ sơ: 230.000 đồng/văn bằng - Lệ phí cấp GCN ĐKHD: 120.000 đồng/GCN - Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bằng - Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Điều 10 của Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Khoản 2 Điều 58 của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					Điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Điểm 2.2 Mục A Lệ phí sở hữu công nghiệp; điểm 1.5, 4.1 và 4.2 Mục B Phí sở hữu công nghiệp tại Biểu mức thu phí, lệ phí sở hữu công nghiệp (Ban hành kèm theo Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính).	
16	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực	30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (Không tính thời gian ấn định dành cho người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh;	- Phí thẩm định hồ sơ: 160.000 đồng/văn bản - Phí đăng	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công nghiệp	soát hoặc có ý kiến phản đối); - Trong trường hợp chủ văn bằng không sửa chữa thiếu sót hoặc không có ý kiến phản đối hoặc sửa chữa thiếu sót/phản đối không đạt yêu cầu, thì giải quyết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn ấn định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	bạ: 120.000 đồng/văn bằng Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu	tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Điều 42 của Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Điều 61 của Nghị định số 65/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					hữu trí tuệ; - Điểm 1.6, 4.1 và 4.2 Mục B Phí sở hữu công nghiệp tại Biểu mức thu phí, lệ phí sở hữu công nghiệp (Ban hành kèm theo Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính).	
17	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (Không tính thời gian ấn định để người yêu cầu sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối); - Trong trường hợp chủ văn bằng không sửa chữa thiếu sót hoặc không có ý kiến phản đối hoặc sửa chữa thiếu sót/phản	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bằng Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Điều 37 của Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền,	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		đối không đạt yêu cầu, thì giải quyết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn ấn định.			phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Khoản 7 Điều 29 của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Điểm 4.1 và 4.2 Mục B Phí sở hữu công nghiệp tại Biểu mức thu phí, lệ phí sở hữu công nghiệp (Ban hành kèm theo Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính).	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
18	Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế	60 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ (không tính thời gian người nộp hồ sơ có ý kiến về dự định từ chối ra bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế của cơ quan có thẩm quyền hoặc người nắm giữ độc quyền sáng chế có ý kiến bằng văn bản đối với Thông báo về yêu cầu chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc)	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không.	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 (được sửa đổi, bổ sung năm 2022); - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
19	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	60 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ (không tính thời gian người nộp hồ sơ có ý kiến về dự định từ chối ra bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế của cơ quan có thẩm quyền hoặc người nắm giữ độc quyền sáng chế có ý kiến bằng văn bản đối với Thông báo về yêu cầu chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc)	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số Điều theo Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14 và Luật số 07/2022/QH15; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ	Một cửa

4. Lĩnh vực An toàn bức xạ hạt nhân

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
1	Thủ tục cấp giấy phép sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí (nếu có) theo quy định.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	- Phí thẩm định cấp giấy phép: + Sử dụng thiết bị phân tích huỳnh quang tia X: 4.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị phát tia X dùng trong soi kiểm tra bo mạch: 4.000.000 đồng/1 thiết bị.	1. Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2018/QH12 ngày 03/6/2008; 2. Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; 3. Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. 4. Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
				+ Sử dụng thiết bị phát tia X dùng trong kiểm tra an ninh: 4.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính (CT Scanner): 8.000.000 đồng/ 1 thiết bị. + Sử dụng hệ thiết bị PET/CT: 16.000.000	trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Năng lượng nguyên tử; 5. Thông tursố 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số Điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; 6. Thông tursố 13/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ bãi bỏ một số	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
				đồng/ 1 thiết bị. - Việc thực hiện nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bốc xạ theo hình thức trực tuyến (trừ thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN) kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2023 đến hết ngày	văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành; 7. Thông tursố 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của một số Thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
				31 tháng 12 năm 2025 được áp dụng mức thu phí bằng 90% mức thu phí theo quy định được nêu ở trên. - Lệ phí cấp giấy phép: Không.		
2	Thủ tục cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn trong sử dụng thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT),	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí (nếu có) theo quy định	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	- Phí: Không. - Lệ phí: 200.000 đồng/1 chứng chỉ	- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008. - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh				dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/02/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số Điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					năng lượng nguyên tử. - Quyết định số 153/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục An toàn bức xạ và hạt nhân. - Thông tursố 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của một số Thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	
3	Thủ tục khai báo thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ khai báo	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	Không quy định	- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008. - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	nhiều xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh				12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/02/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số Điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	

5. Lĩnh vực Tiêu chuẩn, đo lường chất lượng

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 10 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 05 ngày làm việc.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về Điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về Điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Nghị định số	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
2	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 10 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 05 ngày làm việc.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					Chính phủ quy định về Điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về Điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
3	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	05 ngày làm việc	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về Điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về Điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 10 ngày - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 05 ngày làm việc.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ	Không	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật Đầu tư ngày 17	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	trình sử dụng		hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.		tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về Điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về Điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
5	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 10 ngày - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 05 ngày làm việc.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					năm 2024; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về Điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về Điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
6	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	05 ngày làm việc	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về Điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về Điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
7	Thủ tục cấp Giấy chứng	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải	Không	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	lệ: 10 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 05 ngày làm việc.	quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.		29 tháng 6 năm 2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về Điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					định về Điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
8	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 10 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 05 ngày làm việc.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh	Không	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch,	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
			Thái Nguyên.		Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về Điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về Điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
9	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	05 ngày làm việc.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về Điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về Điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
10	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 10 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 05 ngày làm việc.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về Điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về Điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
11	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 10 ngày làm việc. - Trường hợp hồ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 05 ngày làm việc.	Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.		tháng 11 năm 2007; - Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về Điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về Điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
12	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	05 ngày làm việc	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					năm 2024; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về Điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về Điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
13	Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	10 ngày	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Luật Đo lường 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường; - Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
14	Thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	07 ngày làm việc	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Luật Đo lường: 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường; - Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ ban hành Nghị định	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ	
15	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận	03 (ba) ngày làm việc	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ	Không	- Luật Đo lường: 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011;	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	chuẩn đo lường		hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.		- Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường; - Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ	
16	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	10 ngày (mười) làm việc	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp	Không	- Luật Đo lường: 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
			xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.		kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ	
17	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường	10 (mười) ngày	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Luật Đo lường: 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ	
18	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	03 ngày làm việc	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ	Không	- Luật Đo lường: 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
			hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.		phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân	10 ngày	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21/11/2007. - Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 15/6/2022. - Quyết định số 51/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tổ chức xét tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân và doanh nghiệp. - Thông tư số 06/2009/TT-BKHCN	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					ngày 03/4/2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về điều kiện, thủ tục xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân. - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCHN ngày 08/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia. - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCHN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					Công nghệ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
20	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn	- Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: 10 ngày. - Trường hợp cần thiết phải đánh giá thực tế, trong thời hạn 20 ngày	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước - Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước. - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					Đo lường Chất lượng Quốc gia. - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
21	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO	- Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: 10 ngày. - Trường hợp cần thiết phải đánh giá thực tế: 20 ngày	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp	Không	- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn		xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.		vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước - Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước. - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08/10/2024 sửa	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia. - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
22	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập	- Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: 10 ngày; - Trường hợp cần thiết phải đánh giá thực tế: 20 ngày	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước - Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước. - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia. - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ	
23	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập	- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 03 ngày làm việc. - Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: 10 ngày; - Trường hợp cần thiết phải đánh giá thực tế: 20 ngày	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước - Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước. - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					Đo lường Chất lượng Quốc gia. - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
24	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO	- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 03 ngày làm việc. - Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: 10 ngày. - Trường hợp cần	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp	Không	- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận	thiết phải đánh giá thực tế: 20 ngày.	xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.		TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước - Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					- Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia. - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
25	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận	- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 03 ngày làm việc. - Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: 10 ngày. - Trường hợp cần thiết phải đánh giá thực tế: 20 ngày	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước - Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước. - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia. - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 của Bộ	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
26	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư	03 ngày làm việc	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận và thẻ cho chuyên gia trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc				- Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước. - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia. - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
27	Thủ tục cấp bổ sung thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên	-Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 03 ngày	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ	Không	- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	gia đánh giá cho tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận	làm việc. - Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: 10 ngày.	hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.		tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước - Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước. - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia. - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
28	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.	- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 03 ngày làm việc. - Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: 10 ngày. - Trường hợp cần thiết phải đánh giá thực tế: 20 ngày	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước - Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước. - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					Quốc gia. - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
29	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN	- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hợp lệ: 03 ngày làm việc. - Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: 10 ngày. - Trường hợp cần thiết phải đánh	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh	Không	- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.	giá thực tế: 20 ngày.	Thái Nguyên.		vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước - Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước. - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					ngày 08/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia. - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
30	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc	03 ngày làm việc	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước - Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước. - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia. - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
31	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực thực hiện hoạt động đào tạo.	- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 03 ngày làm việc. - Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: 10 ngày.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007; - Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa - Thông tư 36/2014/TT-BKHCN ngày 12/12/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					quy định hoạt động đào tạo chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý và chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm của tổ chức đánh giá sự phù hợp. - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCHN ngày 08/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia. - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCHN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
32	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố bổ sung, điều chỉnh phạm vi đào tạo.	- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 03 ngày làm việc. - Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: 10 ngày.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007; - Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa - Thông tư 36/2014/TT-BKHCN ngày 12/12/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					quy định hoạt động đào tạo chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý và chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm của tổ chức đánh giá sự phù hợp. - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCHN ngày 08/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia. - Thông tư số 07/2025/TT-BKHCHN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	

6. Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
1	Chấp thuận chuyển giao công nghệ	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh	Mức thu phí thẩm định đối với xem xét, chấp thuận chuyển giao công nghệ là 10 (mười) triệu	Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
			Thái Nguyên.	đồng	Công nghệ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ.	
2	Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối cấp Giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.)	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Mức thu phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ để cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
				hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.	đồng chuyển giao công nghệ.	
3	Giấy chứng nhận đủ Điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Chuyển giao công nghệ.	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
4	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ Điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Chuyển giao công nghệ.	Một cửa
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ Điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Chuyển giao công nghệ.	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
6	Giấy chứng nhận đủ Điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ.	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Chuyển giao công nghệ.	Một cửa
7	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ Điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Chuyển giao công nghệ.	
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ Điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Chuyển giao công nghệ.	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
9	Xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; - 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (trong trường hợp cần thiết thành lập hội đồng thẩm tra hồ sơ)	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 30/2018/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2018 Quy định trình tự, thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ; phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư.	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
10	Cho phép thành lập và phê duyệt Điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài	a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và trường hợp hồ sơ không hợp lệ, có thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để sửa đổi, bổ sung. b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ có kết quả giải quyết.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ - Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn Điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ. - Thông tư số 15/2023/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN.	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
11	Cấp Giấy phép thành lập lần đầu cho Văn phòng đại diện, Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam	a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và trường hợp hồ sơ không hợp lệ, có thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để sửa đổi, bổ sung. b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ phải có kết quả giải quyết.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	4.000.000 đồng	- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn Điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ. - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện hoạt động về khoa học,	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					công nghệ. - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tursố 32/2011/TT-BKHCN và Thông tursố 03/2014/TT-BKHCN.	
12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho tổ chức	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					nghệ; - Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 09 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao; - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; - Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tursố 32/2011/TT-BKHCN và Thông tursố 03/2014/TT-BKHCN.	
13	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho cá nhân	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh	Không	- Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; - Nghị định số	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
			Thái Nguyên.		133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 09 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao; - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; - Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tursố	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao. - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.	
14	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:	Không	- Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008; - Nghị quyết số	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	ng nghiệp công nghệ cao	đủ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.		190/2025/QH15 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao;	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					- Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; - Quyết định số 10/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tursố 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tursố 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tursố 32/2011/TT-BKHCN và Thông tursố 03/2014/TT-BKHCN.	
15	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho tổ chức	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					55/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 09 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao; - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; - Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao. - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN. - Thông tư số 01/2013/TT-BKHCN ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
16	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho cá nhân	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 09 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao; - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; - Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao. - Thông tư số 15/2023/TT-	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN. - Thông tư số 01/2013/TT-BKHCN ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao.	
17	Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ	35 ngày làm việc	- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh;	Không quy định	- Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 ngày 14/11/2008. - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	cao được khuyến khích phát triển		Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.		Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển. - Thông tư số 33/2011/TT-BKHCN ngày 09/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển. - Thông tư số 08/2025/TT-BKHCN ngày 21/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc phân cấp trong thực	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					hiện thủ tục chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.	
18	Cấp giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao	35 ngày làm việc	- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định	- Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 ngày 14/11/2008. - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển. - Thông tư số 27/2013/TT-BKHCN ngày 17/12/2013	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định các điều kiện đối với cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao và thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao. - Thông tư số 08/2025/TT-BKHCN ngày 21/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc phân cấp trong thực hiện thủ tục chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.	